

Số: 07 /2021/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 09 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế kết nối, chia sẻ, khai thác
và sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Hà Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;
Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối
các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*tv*

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VPUB: LĐVP, TH, KGVX;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Vượng
Nguyễn Đức Vượng

QUY CHẾ

**Kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng
cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Hà Nam**

*(Kèm theo Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về các hoạt động kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu số thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

2. Quy chế này không áp dụng đối với việc kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dữ liệu số: là dữ liệu dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được biểu diễn bằng tín hiệu số. Dữ liệu số mang thông tin số và được chia sẻ dưới dạng thông điệp dữ liệu. Trong Quy chế này, dữ liệu được hiểu là dữ liệu số.

2. Dữ liệu mở của cơ quan hành chính nhà nước: là dữ liệu được cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ. Trong Quy chế này, dữ liệu mở được hiểu là dữ liệu mở của cơ quan hành chính nhà nước.

3. Dữ liệu chủ: là dữ liệu chứa thông tin cơ bản nhất để định danh và mô tả các đối tượng thực thể nghiệp vụ cốt lõi và độc lập.

4. Dữ liệu danh mục dùng chung: là dữ liệu về các danh mục, bảng mã phân loại do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ban hành, được sử dụng chung trong các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất.

5. LGSP: là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh chứa các dịch vụ dùng chung để chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối các hệ thống thông tin trong nội bộ của tỉnh với các hệ thống bên ngoài; mô hình kết nối của LGSP theo kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh, phù hợp Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

Điều 4. Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ

Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ trong thông điệp dữ liệu được xác định theo giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu quy định tại Luật Giao dịch điện tử và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung

1. Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh là các cơ sở dữ liệu được các văn bản pháp luật giao tỉnh xây dựng, quản lý, vận hành hoặc xây dựng theo nhu cầu phát triển Chính quyền điện tử và tiến trình chuyển đổi số của tỉnh, đáp ứng nhu cầu truy cập, sử dụng dữ liệu của các cơ quan tại tỉnh. Các cơ quan không được thu thập để xây dựng chồng lấn với các cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành đã xây dựng.

2. Trường hợp các cơ quan đề nghị bổ sung, chỉnh sửa, rút cơ sở dữ liệu khỏi danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phải có văn bản đề nghị, nêu rõ lý do đề nghị, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, điều chỉnh danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

3. Cơ sở dữ liệu đưa vào danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Dữ liệu đảm bảo giá trị pháp lý tương đương các văn bản giấy chứa thông tin được cơ quan có thẩm quyền cung cấp;

b) Chứa dữ liệu chủ của Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ sở tham chiếu, đồng bộ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh;

c) Dữ liệu được chia sẻ, sử dụng cho các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

4. Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung được cập nhật theo nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin của từng giai đoạn phát triển Chính quyền điện tử và tiến trình chuyển đổi số của tỉnh hoặc khi có đề nghị của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Các hành vi không được làm

1. Cản trở hoạt động kết nối, chia sẻ, quyền khai thác và sử dụng dữ liệu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Mua bán, trao đổi, chia sẻ dữ liệu trái quy định của pháp luật.

3. Vi phạm các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền bảo vệ thông tin cá nhân khi kết nối, chia sẻ dữ liệu.

4. Làm sai lệch dữ liệu trong quá trình lưu chuyển dữ liệu từ cơ quan cung cấp dữ liệu tới cơ quan khai thác dữ liệu.

5. Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, làm gián đoạn việc kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Chương II **KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU**

Điều 7. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Các hệ thống thông tin thuộc cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phải được kết nối, chia sẻ dữ liệu với nhau trong hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh nhằm phục vụ các hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật trong việc tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu.

2. Các hệ thống thông tin và hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phải cùng tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật về kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

3. Các cơ quan không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản đối với thông tin đã được cung cấp, khai thác trên hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

4. Việc chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh không làm ảnh hưởng tới quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan, không được xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Dữ liệu chia sẻ trong hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phải bảo đảm tính cập nhật, chính xác theo quy định của pháp luật; bảo đảm việc tiếp cận, trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

Điều 8. Yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu

Cơ quan quản lý các hệ thống thông tin thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phải thực hiện các yêu cầu sau:

1. Có trách nhiệm quản trị dữ liệu; xây dựng và ban hành các tài liệu kỹ thuật phục vụ kết nối, khai thác dữ liệu; đảm bảo các điều kiện về hạ tầng phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

2. Chỉ định một cán bộ làm đầu mối phụ trách tiếp nhận, phối hợp, xử lý các vấn đề về kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ quan mình.

3. Tuân thủ các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

4. Xác định các nội dung, trường thông tin thống nhất để chia sẻ dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

5. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, sử dụng dữ liệu theo các nội dung, trường thông tin đã thống nhất chia sẻ dữ liệu.

Điều 9. Mô hình kết nối

Các hệ thống thông tin kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh thực hiện qua mô hình sau:

1. Kết nối thông qua LGSP của tỉnh.
2. Kết nối thông qua các phương tiện kết nối hiện có.

Điều 10. Bảo đảm an toàn trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của các hệ thống thông tin với hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các quy định sau:

1. Cơ quan quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

2. Cơ quan quản lý hệ thống thông tin tham gia vào quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên hệ thống của mình, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ.

3. Cơ quan khai thác dữ liệu có trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ.

Chương III

KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU

Điều 11. Nguyên tắc khai thác và sử dụng dữ liệu

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu.
2. Lưu trữ, quản lý dữ liệu đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện.
3. Tổ chức có hệ thống phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội.

4. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước và hạn chế sử dụng.

5. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

6. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.

7. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Công bố thông tin chia sẻ dữ liệu

Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, các thông tin về hình thức chia sẻ dữ liệu, dịch vụ chia sẻ dữ liệu và các thông tin cần công bố khác cần phải được cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác để tạo thuận lợi cho việc tiếp cận, kết nối, khai thác dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Điều 13. Khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phải được cơ quan chủ quản hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh cho phép khai thác thông tin, dữ liệu phù hợp với đối tượng sử dụng.

2. Người dân và doanh nghiệp: Có quyền khai thác dữ liệu mở, dữ liệu công khai do các cơ quan hành chính nhà nước cung cấp trên hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

3. Cơ quan hành chính nhà nước: Ngoài việc được quyền khai thác dữ liệu được quy định tại khoản 2 Điều này, các cơ quan hành chính nhà nước có quyền khai thác các dữ liệu chuyên ngành được cơ quan chủ quản hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung cung cấp theo quy định.

Điều 14. Thời hạn sử dụng dữ liệu

Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm ghi rõ nguồn dữ liệu, mốc thời gian khai thác gần nhất để đảm bảo độ tin cậy và quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 15. Quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý, cung cấp dữ liệu

1. Cơ quan quản lý, cung cấp dữ liệu có quyền sau:

a) Từ chối đề nghị chia sẻ dữ liệu nếu đề nghị cung cấp dữ liệu không phù hợp với quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan. Trong trường hợp này, cơ quan cung cấp dữ liệu phải nêu rõ lý do từ chối và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết vướng mắc quy định tại Điều 48 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP;

b) Yêu cầu cơ quan, đơn vị sử dụng dữ liệu thông báo tình hình sử dụng dữ liệu đã chia sẻ trong trường hợp có dấu hiệu việc sử dụng dữ liệu không phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Tạm dừng hoặc chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Điều 43 và Điều 44 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm sau:

a) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng việc kết nối, chia sẻ dữ liệu;

b) Xây dựng và hoàn thiện các tài liệu hướng dẫn kết nối, chia sẻ dữ liệu;

c) Quản lý, công bố dữ liệu theo quy định của pháp luật; bảo đảm truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm thông tin, dữ liệu dễ sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm;

d) Bảo đảm chất lượng dữ liệu được cung cấp; cập nhật dữ liệu kịp thời; chính xác, hiệu chỉnh khi có sai lệch dữ liệu;

e) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền tình hình cung cấp và trao đổi dữ liệu khi có yêu cầu;

g) Phối hợp với cơ quan khai thác dữ liệu và cơ quan có thẩm quyền giải quyết vướng mắc để giải quyết các vướng mắc trong quá trình chia sẻ, sử dụng dữ liệu;

h) Chia sẻ dữ liệu đang quản lý về cá nhân, tổ chức cho cơ quan hành chính nhà nước khác có nhu cầu khi cá nhân, tổ chức đó đề nghị.

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có quyền sau:

a) Khai thác, sử dụng dữ liệu theo mục đích phù hợp;

b) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc làm ảnh hưởng đến quyền khai thác, sử dụng dữ liệu của mình.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm sau:

a) Tuân thủ các quy định về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu được quy định Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng;

c) Thông báo kịp thời cho cơ quan cung cấp dữ liệu về những sai sót của dữ liệu đã chia sẻ;

d) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, cơ quan cung cấp dữ liệu để giải quyết các vướng mắc trong quá trình khai thác, sử dụng dữ liệu.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh tuân thủ các quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin và phù hợp với Khung kiến trúc Chính quyền điện tử và tiến trình chuyển đổi số của tỉnh.

2. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Hướng dẫn các cơ quan thực hiện các yêu cầu kỹ thuật kết nối đến hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

4. Là đầu mối tiếp nhận, giải quyết các vướng mắc kỹ thuật trong quá trình triển khai kết nối các hệ thống thông tin với hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

5. Tổ chức hướng dẫn, phổ biến, đôn đốc các cơ quan thực hiện các quy định tại Quy chế này.

6. Tổng hợp việc thực hiện các quy định tại Quy chế này, kết quả thực hiện kết nối đến hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 18. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Bố trí kinh phí cho các dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống thông tin thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh để đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Sở Tài chính

1. Hướng dẫn các cơ quan liên quan cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống thông tin phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

2. Bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện nhiệm vụ quản lý kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 20. Công an tỉnh

1. Hướng dẫn, thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh mạng trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu số.

2. Hướng dẫn, kiểm tra dữ liệu chia sẻ đảm bảo thực hiện theo Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước.

3. Rà quét, phát hiện dữ liệu chia sẻ có nội dung bí mật nhà nước, kịp thời tham mưu các biện pháp khắc phục, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Cơ quan quản lý các hệ thống thông tin

1. Tổ chức triển khai thực hiện các quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu với vai trò là cơ quan cung cấp dữ liệu đối với dữ liệu do mình quản lý.

2. Tuân thủ các tài liệu kỹ thuật của hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh khi xây dựng các hệ thống thông tin, triển khai kết nối.

3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu của các hệ thống thông tin hiện có nhằm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, cấu trúc dữ liệu trao đổi phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống cơ sở dùng chung của tỉnh.

a) Đối với hệ thống thông tin đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về kết nối: Các cơ quan xác định các thông tin dữ liệu cần chia sẻ đảm bảo cung cấp đầy đủ, đúng quy định.

b) Đối với hệ thống thông tin chưa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về kết nối: Các cơ quan chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để thực hiện đầu tư, nâng cấp hệ thống đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu.

4. Ban hành, điều chỉnh, bổ sung các quy chế khai thác và sử dụng dữ liệu của các hệ thống thông tin thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo đồng bộ và phù hợp với các quy định tại Quy chế này và Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Điều 22. Cơ quan khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Tổ chức khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh vào công tác quản lý hành chính nhà nước của cơ quan mình.

2. Tham mưu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh các quy định để đơn giản hóa thủ tục hành chính, nghiệp vụ hành chính chuyên ngành trên cơ sở khai thác dữ liệu được chia sẻ.

Điều 23. Điều khoản thi hành

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động và phối hợp chặt chẽ hiệu quả với nhau để thực hiện Quy chế này;

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.